TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2026/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2026/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1995; CCCD số 008196005397.

Địa chỉ: Số nhà 045, phố T, tổ 11, phường Tân P , tỉnh L.

- Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1996; CCCD số 012097003598.

Địa chỉ: Số nhà 045, phố T , tổ 11, phường Tân P , tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2023 tại UBND xã Phúc T , huyện Than U, tỉnh L (Nay là xã Than U, tỉnh L).

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ tháng 5 năm 2025 đến nay chị T và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên ảnh hưởng đến cuộc sống chung của cả hai vợ chồng và con. Hai bên gia đình đã hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Đến nay chị T và anh Đ đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ.

- Về việc nuôi con: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 20/5/2024. Chị T và anh Đ thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Vũ Thị Huyền T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh C cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh Đ thỏa thuận anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng (*năm triệu đồng/tháng*); Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 18 hàng tháng; Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 18/10/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Minh C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đ chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Nguyễn Đức Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Đ thỏa thuận anh Đ là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận anh Nguyễn Đức Đ đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000067 ngày 27/8/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Tân P, tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1 - L;
- Phòng THADS Khu vực 1 - L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết